

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế
một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên
và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai tại
Tờ trình số 52/TTr-STNMT ngày 05 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT3.

CHỦ TỊCH



**DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). - Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa 	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; * Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc lấy ý kiến, tổng hợp, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Công dịch vụ công trực tuyến (nếu có). 	<p>Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 /01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc lấy ý kiến, tổng hợp, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 03 ngày làm việc</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 02 ngày làm việc</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 04 ngày làm việc</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 01 ngày làm việc</p>		<p>100.000 m³/năm trở lên, than bùn, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;</p> <p>- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.</p>	<p>2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
2	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). - Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa 	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; * Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc lấy ý kiến, tổng hợp, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra; lấy ý kiến * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc lấy ý kiến, tổng hợp, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có). 	<p>Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>Không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 04 ngày làm việc.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: không quá 01 ngày làm việc</p>		<p>thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.</p> <p>* Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.</p> <p>* Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên./.</p>	<p>CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
3	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có).</p> <p>- Trả kết quả trực tiếp tại Bộ</p>	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi	Không	<p>- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		phần Một cửa	<p>trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; * Lấy ý kiến các cơ quan: không quá 05 ngày làm việc; * Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan liên quan trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu và trình UBND tỉnh theo quy định.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong</p>	<p>trường tỉnh Lào Cai).</p> <p>Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Công dịch vụ công trực tuyến (nếu có).</p>		<p>của Luật khoáng sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; *</p> <p>Lấy ý kiến các cơ quan liên quan trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc; *</p> <p>Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan liên quan trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; *</p> <p>Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy</p>			<p>BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 04 ngày làm việc.</p> <p>+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc</p>			
4	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). - Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa 	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>* Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác;</p> <p>* Lấy ý kiến các cơ quan liên quan: Trong thời hạn không</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai).</p> <p>Địa chỉ: Đại lộ</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>quá 05 ngày làm việc.</p> <p>* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</p> <p>* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 04 ngày làm việc.</p>	<p>Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Công dịch vụ công trực tuyến (nếu có).</p>		<p>2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
						của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;
5	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). - Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa 	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. * Lấy ý kiến các cơ quan liên quan: 03 ngày làm việc. <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
6	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). 	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong thời hạn không quá 10 ngày thực hiện kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
	nhóm IV	<p>- Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa</p>	<p>đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có).</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TTBTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025</p>	<p>trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai).</p> <p>Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Công dịch vụ công trực tuyến (nếu có).</p>		<p>2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.</p>

Ghi chú: Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 270/QĐ-BTC ngày 21/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường